

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD1+TD5	7:25	4+2+15	0+0+0		0+4+17	0+0+0	
2		TD3+TD5	9:25	18+1	0+0		11+10	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/03/2024	TO: TD2 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - Cương - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUNG	TD2	75	1	16		70	PVDWS	Vietnamese
2	NGUYỄN TUÂN MINH	TD2	77	1	10		78	PVDWS	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HOÀN	TD2	76	1	10		68	PVDWS	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN NHẬT	TD2	74	1	12		65	PVDWS	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	TD1	07	1	15	20	73	DVL	Vietnamese
6	PHAN THANH TỊNH	TD1	05-06	2	13		65	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN NHƯ Y	TD5				80	78	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	85	1	11		89	KHOAN	Vietnamese
9	LE VĂN HIỀN	TD5	88	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	82	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ XUÂN ANH	TD5	42	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH DƯƠNG	TD5	40	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	87	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HIỂU	TD5	80-81	2	14		85	KHOAN	Vietnamese
16	TRỊNH DUY THANH	TD5	83	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD5	90	1	11		81	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	TD5	89	1	5		70	DVL	Vietnamese
19	HỒ VĂN ANH	TD5					78	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HAI TÙNG	TD5	86	1	5		95	PSV	Vietnamese
21	LE VĂN LỢI	TD5	84	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	4	48	281	0	0		
2	TD1	2	3	28	138	20	4		
3	TD5	15	14	93	1.121	80	17		
TOTAL		21	21	169	1.540	100	21		
WEIGHT KG				169	1.540	100			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: TD3 - TD5	CREW: TTrung - Cương - Tú	ETA: 11:40
TRANG-2			

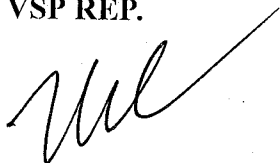
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	03	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
2	DOAN QUANG BAC	TD3	04	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
3	BUI CONG SON	TD3	01	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DINH CHUNG	TD3	13	1	12		89	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
6	LE HONG VUONG	TD3	14	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUNG	TD3	02	1	10	20	80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN PHI HUNG	TD3	12	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	LE ANH XUAN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM XUAN HIEU	TD3	47	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC KHANH	TD3	48-49	2	10		61	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN HOANG	TD3	15-16	2	12		74	ĐANG KIE	Vietnamese
13	BUI SONG TOAN	TD3	45	1	10		76	ĐANG KIE	Vietnamese
14	NGUYEN KHAC HOANG	TD3	08-09	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
15	LE THE LONG	TD3	05	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN KHAC THINH	TD3	10	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VAN TUYEN	TD3	11	1	10		54	XAYLAP	Vietnamese
18	HO VAN QUYNH	TD3	06-07	2	13		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN HIEP	TD5	47	1	7		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

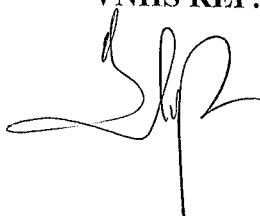
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	18	20	160	1.263	20	11	1	
2	TD5	1	1	7	52	0	10		
TOTAL		19	21	167	1.315	20	22		
WEIGHT KG				167	1.315	20			

GRAND TOAL: 1.502 KGS

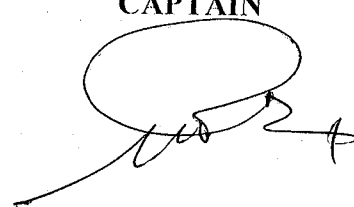
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TTC2	7:25	22+0	0+0		17+2	0+0	
2		TD1+MRM	7:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
3		P4+CLO+RC10	9:25	12+8+0	0+0+0		3+6+11	0+0+0	
4		P2+BK10+RP2	9:25	8+10+4	0+0+0		2+1+0	0+0+0	chuyen 2 p2-bk10

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: CLO - P7 - TTC2	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 09:20
xanh-1			

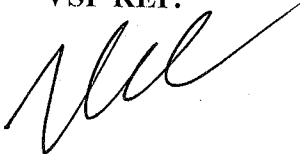
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUANG HIEN	CLO	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HUNG	CLO	08	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM TIEN NINH	CLO	23	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG DUY LY	CLO	12	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN BÌNH	CLO	11	1	10	19	65	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	13	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN QUYNH	CLO	14	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ MẠNH HUNG	CLO	52	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH NGỌC GIANG	CLO	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUÂN DUY	CLO	04	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	21-22	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH XUÂN PHU	CLO	06	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TRẦN NAM	CLO	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN LỤC	CLO	18	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VĂN QUYẾT	CLO	07	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HỮU HUNG	CLO	17	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG MINH TUẤN	CLO	03	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	CLO	19	1	5	20	60	YTE	Vietnamese
19	YUKIHMCHUK AG	CLO	27	1	10		72	KH-THAC	Russian
20	HỒ NGỌC BÈN	CLO	24	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ THÁI THANH	CLO	25-26	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN PHUONG DUY	CLO	20	1	5		110	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	24	145	1.625	39	17		
2	P7	0	0	0	0	0	1		
3	TTC2	0	0	0	0	30	2		
TOTAL		22	24	145	1.625	69	20		
WEIGHT KG				145	1.625	69			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2024	TO: TDI - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ MINH DŨNG	TDI	10	1	10	20	69	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN QUY	TDI	09	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH HUY TOAN	TDI	26	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGOC SON	TDI	27	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN GIANG	TDI	28	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
6	LUU THIEN DUC	TDI	24	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	HO VAN HAU	TDI	23	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG TUAN ANH	TDI	16	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG THUC	TDI	20-21	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
10	DUONG MINH DUC	TDI	13	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM MINH TRONG	TDI	17	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH LUAN	TDI	11	1	10	20	79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRINH	TDI	22	1	5		77	DANG KIEN	Vietnamese
14	PHAM TUAN VIET	TDI	18	1	9		90	DANG KIEN	Vietnamese
15	MAI VAN DUONG	TDI	14	1	12		82	DVL	Vietnamese
16	LUONG NGOC HOANG	TDI	15	1	7		75	DVL	Vietnamese
17	VU HOANG QUAN	TDI	19	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	NGO VAN GIAO	TDI	29	1	6		90	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN DINH CUONG	TDI	25	1	2		82	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN ANH	MRM	68-69	2	15		80	PVDWS	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DUAN	MRM	70	1	11		70	PVDWS	Vietnamese
22	BUI MANH PHUC	MRM	71	1	7		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TDI	19	20	125	1.353	40	19		
2	MRM	3	4	33	221	0	3		
TOTAL		22	24	158	1.574	40	22		
WEIGHT KG				158	1.574	40			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2024	TO: P4 - CLO - RC10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGUYEN HAI DUONG	P4	71	1	6	8	85	KH-THAC	Vietnamese
2	DO QUOC VU	P4	72-74	3	16		70	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI DINH THU	P4	64	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
4	DAO QUOC OAI	P4	60	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
5	LE TRONG TUAN	P4	63	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH HUU CHUNG	P4	65-66	2	17		86	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN XUAN MANH	P4	61	1	16		105	XAYLAP	Vietnamese
8	DAO HAI TUNG	P4	62	1	18		76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SON	P4	67-68	2	20		87	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN HONG	P4	58-59	2	20		95	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN PHUC HIEN	P4	69-70	2	18		86	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUU TUYEN	CLO	32	1	6		64	DVL	Vietnamese
13	TRAN VAN TOAN	CLO	29	1	6		59	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN DUY DONG	CLO	03	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	HOANG HUU THU	CLO	99	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	VU MANH HUONG	CLO	30	1	5		50	PSV	Vietnamese
17	NGO THE ANH	CLO	92	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUAN	CLO	31	1	4		78	PSV	Vietnamese
19	PHAN MINH TUAN	CLO	33	1	5		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	11	17	172	908	4+0	3		
2	CLO	8	8	40	541	0	6		
3	RC10	0	0	0	0	15	11		
TOTAL		19	25	212	1,449	19+6	20		
WEIGHT KG				212	1,449	19+6			

GRAND TOAL: 1.680 KGS + 4kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature] VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	TO: P2 - BK10 - RP2	CREW: CHIẾN - ĐNam - THỤ	ETA: 14:50
CAM-2			

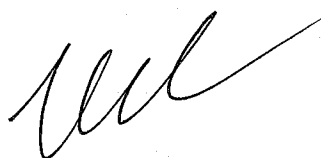
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÈ HUY	P2	87	1	17	20	77	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU HÙNG	P2	78	1	10		70	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
3	THIỆU ĐÌNH TRUNG	P2	77	1	8		63	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐẶNG	P2	81	1	9		65	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
5	NGUYỄN KIM HÙNG	P2	79-80	2	15		78	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P2	84	1	17		58	TRƯỜNG	Vietnamese
7	LÊ VĂN LAM	P2	82-83	2	19		57	TRƯỜNG	Vietnamese
8	LÊ VĂN LINH	P2	85-86	2	14		67	TRƯỜNG	Vietnamese
9	HOANG KIM ĐỨC	BK10	30	1	14		68	LAM HON	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC DŨNG	BK10	34	1	10		65	LAM HON	Vietnamese
11	TRẦN DUY MINH	BK10	27	1	8		76	LAM HON	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK10	32	1	7		67	LAM HON	Vietnamese
13	LÊ VĂN HOÀI	BK10	31	1	7		63	LAM HON	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THAI	BK10	28	1	8		60	LAM HON	Vietnamese
15	TRƯỜNG HUY BÌNH	BK10	29	1	5		62	LAM HON	Vietnamese
16	VÕ ĐỨC NGHĨA	BK10	52	1	5		63	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHINH	BK10	35	1	8		56	LAM HON	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÂM	BK10	33	1	5		72	LAM HON	Vietnamese
19	ĐOÀN KHÁNH DUY	RP2	54	1	9	58	70	NAM TIỀN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH VĂN	RP2	58	1	7		53	NAM TIỀN	Vietnamese
21	HỒ VĂN ĐẠT	RP2	55	1	12		77	NAM TIỀN	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	RP2	56-57	2	15		74	NAM TIỀN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

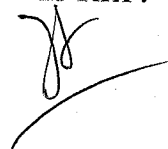
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	11	109	535	20	2+2		CHUYEN 2 PAX P2-BK10
2	BK10	10	10	77	652	0	1		
3	RP2	4	5	43	274	58	0		
TOTAL		22	26	229	1.461	78	3		
WEIGHT KG				229	1.461	78			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

